

## BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 2

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Cung cấp điện - MH1102055

Giám thị 1: Trần Văn Long

Ký tên: 

Mã lớp học phần: 25111MH110205501

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: Cao Thế Oanh

Ký tên: 

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Thị Nguyệt Hoa

Giám thị 3: \_\_\_\_\_

Ký tên: \_\_\_\_\_

Ngày thi: 16/12/2025

Giờ thi: 07h45

Phòng thi: A1.6

Giám thị 4: \_\_\_\_\_

Ký tên: \_\_\_\_\_

| STT | Mã SV      | Họ và tên           |       | Ngày sinh  | Chữ ký                                                                              | Số tờ | Điểm số | Điểm chữ  | Mã lớp  | Ghi chú |
|-----|------------|---------------------|-------|------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-------|---------|-----------|---------|---------|
| 1   | 2410030013 | Đặng Hoài Bảo       | Bảo   | 04/02/2006 |    | 1     | 6,0     | Sáu không | C26DDT1 |         |
| 2   | 2410030009 | Lưu Gia Bảo         | Bảo   | 19/06/2006 |    | 1     | 5,0     | Năm không | C26DDT1 |         |
| 3   | 2410030046 | Vũ Xuân Bắc         | Bắc   | 20/11/2006 |    | 1     | 4,0     | Bốn không | C26DDT2 |         |
| 4   | 2410030020 | Nguyễn Lê Thanh Duy | Duy   | 04/09/2006 |    | 1     | 2,5     | Hai Năm   | C26DDT1 |         |
| 5   | 2410030008 | Trần Quốc Duy       | Duy   | 19/02/2006 |    | 1     | 4,0     | Bốn không | C26DDT1 |         |
| 6   | 2410030003 | Lâm Vũ Hào          | Hào   | 26/02/2006 |    | 1     | 4,0     | Bốn không | C26DDT1 |         |
| 7   | 2410030025 | Trần Chí Hào        | Hào   | 28/07/2005 |    | 1     | 1,0     | Một không | C26DDT1 |         |
| 8   | 2410030017 | Nguyễn Nhật Huy     | Huy   | 04/10/2006 |    | 1     | 2,5     | Hai Năm   | C26DDT1 |         |
| 9   | 2410030031 | Trần Minh Khoa      | Khoa  | 25/04/2006 |    | 1     | 3,0     | Ba không  | C26DDT1 |         |
| 10  | 2410030030 | Châu Tuấn Kiệt      | Kiệt  | 30/03/2006 |   | 1     | 6,5     | Sáu Năm   | C26DDT1 |         |
| 11  | 2410030044 | Lê Trọng Nghĩa      | Nghĩa | 14/09/2006 |  | 1     | 1,0     | Một không | C26DDT2 |         |
| 12  | 2410030049 | Trần Quang Nghĩa    | Nghĩa | 09/05/2006 |  | 1     | 4,5     | Bốn Năm   | C26DDT2 |         |
| 13  | 2410030029 | Bùi Thịnh Phát      | Phát  | 03/02/2006 |  | 1     | 5,0     | Năm không | C26DDT1 |         |
| 14  | 2410030005 | Nguyễn Tấn Phát     | Phát  | 19/11/2006 |  | 1     | 4,0     | Bốn không | C26DDT1 |         |
| 15  | 2410030022 | Trầm Duy Tân        | Tân   | 15/09/2005 |  | 1     | 5,5     | Năm Năm   | C26DDT1 |         |
| 16  | 2410030019 | Đinh Hoàng Vũ       | Vũ    | 13/10/2006 |                                                                                     |       |         |           | C26DDT1 |         |
| 17  | 2410030032 | Nguyễn Lê Kha Vy    | Vy    | 16/12/2006 |  | 1     | 1,0     | Một không | C26DDT1 |         |

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 16 vắng thi: 01. Số bài thi/Số tờ: 16 / 16.

Số sinh viên đạt: \_\_\_\_\_ Tỷ lệ đạt: \_\_\_\_\_ %

Ngày 18 tháng 12 năm 2025

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký &amp; ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng

Ngày 18 tháng 12 năm 2025

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký &amp; ghi rõ họ tên)

ThS. Phạm Văn Dũng